

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGÀNH: Y SỸ ĐA KHOA - TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

I. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 20
- Số phòng thực hành: 15

2. Thiết bị, dụng cụ đào tạo: Bảo đảm theo quy định

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I	Phòng học ngoại ngữ			
- Số lượng phòng: 01 - Diện tích: 73m ² /phòng				
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01	
2	Khô điều khiển trung tâm	Chiếc	01	
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	0	
4	Khô điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	0	
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	0	
6	Máy vi tính	Bộ	01	
7	Tai nghe	Bộ	54	
8	Máy scanner	Chiếc	0	
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	0	
II	Phòng thực hành máy vi tính			
- Số lượng phòng: 01 - Diện tích: 73m ² /phòng				
1	Máy vi tính	Bộ	33	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01	
4	Bộ phần mềm phonng chữ tiếng Việt	Bộ	01	
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01	
6	Máy in	Chiếc	01	
III	Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng	Đơn vị	Số lượng	
- Số lượng phòng: 03 - Diện tích: 73m ² /phòng				
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	06	
2	Máy vi tính	Bộ	01	
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	
4	Giường người bệnh	Chiếc	06	
5	Chăn	Chiếc	06	
6	Đệm	Chiếc	06	
7	Đệm hơi, nước	Chiếc	06	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
8	Ga trải giường	Chiếc	06	
9	Gối	Chiếc	06	
10	Săng trải giường	Chiếc	06	
11	Tấm lót	Chiếc	06	
12	Tủ đầu giường	Chiếc	03	
13	Cáng	Chiếc	03	
14	Xe cáng người bệnh	Chiếc	02	
15	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	02	
16	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	05	
17	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	09	
18	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	100	
19	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	33	
20	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	16	
21	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	120	
22	Máy cạo râu	Chiếc	01	
23	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	06	
24	Máy khí rung	Chiếc	01	
25	Máy sấy tóc	Chiếc	03	
26	Bàn chải	Chiếc	03	
27	Bàn chải mềm	Chiếc	10	
28	Băng buộc	Chiếc	18	
29	Băng chun	Cuộn	25	
30	Băng cuộn	Cuộn	40	
31	Băng Esmarch	Cuộn	20	
32	Băng phooc	Chiếc	05	
33	Băng tam giác	Chiếc	10	
34	Bát và 2 thìa	Bộ	05	
35	Bình làm ấm	Chiếc	05	
36	Bình oxy	Chiếc	05	
37	Bình phong	Chiếc	03	
38	Bô	Chiếc	05	
39	Bô dẹt	Chiếc	06	
40	Bô vệt	Chiếc	06	
41	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ	10	
42	Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh)	Bộ	15	
43	Bộ thử test đầu giường	Bộ	05	
44	Bóc thụt	Chiếc	10	
45	Bơm tiêm loại 20ml	Chiếc	50	
46	Bơm tiêm loại 50ml	Chiếc	50	
47	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc	03	
48	Bóng ambu	Chiếc	10	
49	Ca	Chiếc	10	
50	Cốc chia vạch	Chiếc	08	
51	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc	05	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
52	Cốc đựng thức ăn	Chiếc	05	
53	Cốc đựng thuốc	Chiếc	05	
54	Cốc	Chiếc	10	
55	Bình đựng nước nguội	Chiếc	05	
56	Phích đựng nước nóng	Chiếc	05	
57	Canuyn và khóa van	Bộ	08	
58	Chậu	Chiếc	10	
59	Chậu inox	Chiếc	03	
60	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	05	
61	Dao mổ + cán dao	Chiếc	10	
62	Dây cao su mềm	Chiếc	05	
63	Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy	Chiếc	03	
64	Dây dẫn lưu màng phổi	Chiếc	03	
65	Dây dẫn lưu màng tim	Chiếc	03	
66	Dây dẫn lưu ổ bụng	Chiếc	03	
67	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	06	
68	Dây thở oxy 2 nhánh	Chiếc	07	
69	Dây truyền	Chiếc	10	
70	Đè lưỡi	Chiếc	10	
71	Đèn cồn	Chiếc	05	
72	Đèn soi thanh quản	Chiếc	10	
73	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	10	
74	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	10	
75	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	10	
76	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc	10	
77	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	10	
78	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	10	
79	Hộp tròn inox	Chiếc	10	
80	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc	10	
81	Hộp tròn đựng bông cồn	Chiếc	10	
82	Kéo cong	Chiếc	10	
83	Kéo thẳng	Chiếc	10	
84	Kéo cắt chỉ	Chiếc	10	
85	Kéo đầu tù	Chiếc	10	
86	Kẹp phẫu tích	Chiếc	30	
87	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	30	
88	Khăn tắm	Chiếc	05	
89	Khăn rửa mặt	Chiếc	06	
90	Máng gội đầu	Chiếc	05	
91	Khay chữ nhật	Chiếc	16	
92	Khay hạt đậu	Chiếc	09	
93	Kim chọc dò	Chiếc	10	
94	Kim chọc dò Terumo	Chiếc	05	
95	Kim chọc dò tủy sống	Chiếc	10	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
96	Kim khâu da	Chiếc	10	
97	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc	10	
98	Kim mang kim	Chiếc	10	
99	Kim mở miệng	Chiếc	10	
100	Lọ đựng phân	Chiếc	05	
101	Lược	Chiếc	05	
102	Mask thở oxy	Chiếc	10	
103	Mô hình đa năng	Bộ	03	
104	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	10	
105	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	08	
106	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	10	
107	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	10	
108	Mô hình thắt tháo	Bộ	11	
109	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	10	
110	Mô hình tiêm mông	Bộ	08	
111	Ống đong có chia vạch	Chiếc	03	
112	Ống faucher	Chiếc	15	
113	Ống nghe tim phổi	Chiếc	08	
114	Ống nghiệm	Bộ	17	
115	Ống nghiệm loại 20ml	Chiếc	05	
116	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	05	
117	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	05	
118	Ống nội khí quản	Chiếc	30	
119	Ống sonde Clini	Chiếc	20	
120	Ống sonde Levin	Chiếc	20	
121	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	30	
122	Bộ panh	Bộ	40	
123	Panh Farabeuf	Chiếc	06	
124	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ	06	
125	Que bệt	Chiếc	03	
126	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	10	
127	Săng có lỗ	Chiếc	06	
128	Săng mổ	Chiếc	10	
129	Sonde Catheter	Chiếc	10	
130	Tạp dè	Chiếc	03	
131	Thìa gạt	Chiếc	03	
132	Trụ cắm panh inox	Chiếc	10	
133	Túi chườm	Chiếc	33	
134	Túi đựng dụng cụ cấp cứu	Túi	03	
135	Vò đập đá	Chiếc	03	
136	Xô	Chiếc	10	
137	Thùng rác y tế	Chiếc	11	
138	Bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết	Bộ	09	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	niệu, cơ quan tạo máu, xử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...			
139	Bộ tranh quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	01	
IV	Bộ môn Dược (Dược lý)	Đơn vị	Hiện có	
- Số lượng phòng: 02 - Diện tích: 73m ² /phòng				
1	Cân kỹ thuật	Chiếc	1	
2	Cân thường	Chiếc	1	
3	Máy vi tính có kết nối mạng internet	Chiếc	1	
4	Máy chiếu	Chiếc	1	
5	Máy in	Chiếc	1	
6	Cốc chân 100 ml	Chiếc	6	
7	Pipet Pasteur	Chiếc	10	
8	Bộ ống đong loại 5ml	Chiếc	1	
9	Bộ ống đong loại 10ml	Chiếc	1	
10	Bộ khay đựng loại 20 x 30 cm	Chiếc	15	
11	Bộ khay đựng loại 30 x 40 cm	Chiếc	4	
12	Bộ bình đựng nước cất loại 1 lít	Chiếc	10	
13	Bộ bình đựng nước cất loại 20 lít	Chiếc	2	
14	Bộ cốc có mỏ loại 100ml	Chiếc	10	
15	Bộ cốc có mỏ loại 250ml	Chiếc	10	
16	Đũa thủy tinh	Chiếc	20	
17	Bộ chế phẩm thuốc	Bộ	9	
18	Đơn thuốc mẫu theo nhóm bệnh	Bộ	18	
19	Dược thư quốc gia Việt Nam	Quyển	6	
20	MIMS	Quyển	6	
21	Thuốc biệt dược và cách sử dụng	Quyển	6	
22	Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định	Quyển	6	
23	Các bản mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1	
V	Phòng thực hành sản, nhi, kế hoạch hóa gia đình	Đơn vị	Số lượng	
- Số lượng phòng: 02 - Diện tích: 73m ² /phòng				
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	
2	Giường người bệnh	Chiếc	1	
3	Tủ đầu giường	Chiếc	1	
4	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	1	
5	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	1	
6	Bàn khám phụ khoa	Bộ	1	
7	Đèn khám phụ khoa	Chiếc	1	
8	Bàn đé	Chiếc	4	
9	Máy Monitor sản khoa (Thực tập tại cơ sở khám bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	1	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
10	Cân trẻ em sơ sinh	Chiếc	1	
11	Lồng ấp sơ sinh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	1	
12	Thiết bị hút thai chân không (1 van, 2 van)	Bộ	1	
13	Bồn rửa tay tiệt trùng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	2	
14	Đèn sưởi ấm	Chiếc	1	
15	Hộp đựng dung dịch sát khuẩn	Chiếc	3	
16	Hộp đựng kim loại có nắp kín	Chiếc	3	
17	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	7	
18	Kéo cong	Chiếc	1	
19	Kéo thẳng	Chiếc	1	
20	Kéo cắt chỉ	Chiếc	1	
21	Kéo đầu tù	Chiếc	1	
22	Kẹp hình tim	Chiếc	15	
23	Kẹp kim	Chiếc	5	
24	Kẹp sát khuẩn	Chiếc	16	
25	Kẹp phẫu tích	Chiếc	25	
26	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	3	
27	Khay chữ nhật	Chiếc	4	
28	Khay hạt đậu	Chiếc	12	
29	Kim mang kim	Chiếc	3	
30	Lược mềm	Chiếc	4	
31	Mặt nạ, bóp bóng	Bộ	2	
32	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	1	
33	Mô hình khung chậu nữ	Bộ	1	
34	Mô hình phát triển của trứng và bào thai	Bộ	1	
35	Mô hình phôi thai từ tháng 1 đến tháng thứ 9	Bộ	1	
36	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	1	
37	Mỏ vẹt	Chiếc	20	
38	Ống nghe tim thai	Chiếc	10	
39	Bộ panh	Bộ	3	
40	Trụ cắm panh inox	Chiếc	9	
41	Thước đo buồng tử cung	Chiếc	2	
42	Thước đo khung chậu	Chiếc	10	
43	Van âm đạo	Chiếc	21	
VI	Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh - kỹ sinh trùng	Đơn vị	Số lượng	
- Số lượng phòng: 02				
- Diện tích: 73m ² /phòng				
1	Máy vi tính	Bộ	1	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc	6	
4	Máy li tâm	Chiếc	1	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
5	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1	
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1	
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1	
8	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	1	
9	Tủ an toàn sinh học	Chiếc	1	
10	Nồi hấp	Chiếc	1	
11	Cân kỹ thuật	Chiếc	1	
12	Nồi cách thủy	Chiếc	1	
13	Tủ âm	Chiếc	1	
14	Bộ bình cầu loại 100ml	Chiếc	1	
15	Bộ bình cầu loại 250ml	Chiếc	1	
16	Bộ bình cầu loại 500ml	Chiếc	1	
17	Bộ bình cầu loại 1000ml	Chiếc	1	
18	Bộ bình nón loại 100ml	Chiếc	1	
19	Bộ bình nón loại 250ml	Chiếc	1	
20	Bộ bình nón loại 500ml	Chiếc	1	
21	Bô	Chiếc	1	
22	Cốc	Chiếc	1	
23	Cốc có mỏ loại 50ml	Chiếc	1	
24	Cốc có mỏ loại 100ml	Chiếc	1	
25	Cốc có mỏ loại 250ml	Chiếc	1	
26	Cốc có mỏ loại 500ml	Chiếc	1	
27	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	1	
28	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc	1	
29	Giá để dụng cụ thủy tinh	Chiếc	1	
30	Giá để tiêu bản	Chiếc	1	
31	Gối	Chiếc	1	
32	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	1	
33	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	1	
34	Khay chữ nhật	Chiếc	1	
35	Khay chứa máu	Chiếc	1	
36	Khay hạt đậu	Chiếc	1	
37	Kim lấy máu	Chiếc	1	
38	Lá kính (lamen)	Chiếc	1	
39	Lọ đựng phân	Chiếc	1	
40	Ống đong có chia vạch	Chiếc	1	
41	Ống nghiệm loại 20ml	Chiếc	1	
42	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	3	
43	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	1	
44	Bộ panh loại cong có máu	Chiếc	1	
45	Bộ panh loại cong không máu	Chiếc	1	
46	Bộ panh loại thẳng có máu	Chiếc	1	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
47	Bộ panh loại thẳng không máu	Chiếc	1	
48	Trụ cắm panh inox	Chiếc	1	
49	Pipet	Chiếc	1	
50	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	1	
51	Bộ tiêu bản máu ký sinh trùng sốt rét,...	Bộ	1	
VII	Phòng thực hành giải phẫu	Đơn vị	Số lượng	
- Số lượng phòng: 02				
- Diện tích: 73m ² /phòng				
1	Máy vi tính	Bộ	1	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	2	
3	Bảng phooc	Chiếc	2	
4	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	4	
5	Mô hình hộp sọ	Bộ	4	
6	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng	Bộ	4	
7	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ	Bộ	2	
8	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu	Bộ	2	
9	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	4	
10	Mô hình cơ cánh tay	Bộ	4	
11	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ	4	
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	4	
13	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	4	
14	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	4	
15	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	6	
16	Mô hình tim	Chiếc	5	
17	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	2	
18	Mô hình phổi	Chiếc	6	
19	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	4	
20	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3	
21	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	5	
22	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	3	
23	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	3	
24	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	3	
25	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	0	
26	Mô hình mắt	Bộ	4	
27	Mô hình da phóng đại	Chiếc	3	
28	Mô hình tai phóng đại	Chiếc	4	
29	Mô hình não	Chiếc	5	
30	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	5	
31	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	4	
32	Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ	Chiếc	4	
33	Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp	Bộ	4	
34	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	3	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
35	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Bộ	1	
36	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Bộ	4	
37	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Bộ	4	
38	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Bộ	4	
39	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Bộ	1	
40	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Bộ	4	
41	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Bộ	4	
42	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Bộ	4	
43	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da	Bộ	1	
44	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Bộ	4	
45	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Bộ	4	
46	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Bộ	4	
47	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Bộ	1	
VIII	Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng	Đơn vị	Số lượng	
- Số lượng phòng: 02				
- Diện tích: 73m ² /phòng				
1	Gối	Chiếc	4	
2	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	4	
3	Máy điện châm	Chiếc	6	
4	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	1	
5	Tủ đựng thuốc tây y	Chiếc	1	
6	Máy xoa bóp	Chiếc	10	
7	Ấm sắc thuốc đông y	Bộ	2	
8	Máy kéo cột sống (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	2	
13	Máy sóng ngắn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	1	
15	Máy điện phân (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	2	
16	Xe đạp tập chân (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	1	
17	Đèn hồng ngoại	Chiếc	1	
18	Bàn vận động (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	2	
19	Xe lăn	Chiếc	1	
20	Khung tập đi	Bộ	1	
21	Tạ tay	Bộ	3	
22	Tượng các huyết	Chiếc	1	
23	Bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền	Bộ	2	
24	Kim châm cứu	Bộ	1	
25	Dụng cụ chia thuốc, gói thuốc	Chiếc	0	
26	Chậu	Chiếc	1	
28	Cốc	Chiếc	1	

TT	Thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
29	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	9	
30	Khăn tắm	Chiếc	2	
31	Khay chữ nhật	Chiếc	1	
32	Bộ panh	Bộ	2	
33	Phích đựng nước nóng	Chiếc	1	
34	Trụ cắm panh inox	Chiếc	2	
35	Bộ tranh các huyết đông y	Bộ	2	

II. NHÀ GIÁO

- Tổng số nhà giáo: 83
- Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 150/83
- Nhà giáo cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Hoàng Thị Thủy	Tiến sỹ Khoa học GD	x		Giáo dục chính trị
2	Nguyễn Thị Lệ Ninh	Thạc sỹ Khoa học GD	x		Giáo dục chính trị
3	Nguyễn Thị Phương Thủy	Thạc sỹ Triết học	x		Pháp luật
4	Trịnh Thị Mai	Thạc sỹ Triết học	x		Pháp luật
5	Đỗ Thị Huệ	Cử nhân GDTC	x		Giáo dục thể chất
6	Nguyễn Đắc Lâm	Thạc sỹ GDTC	x		Giáo dục thể chất
7	Nguyễn Văn Sơn	Thạc sỹ GDTC	x		Giáo dục thể chất
8	Văn Tiến Trung	CN GDTC-GDQP AN	x		Giáo dục quốc phòng và An ninh
9	Trần Tuấn Đạt	CN GDQP AN	x		Giáo dục quốc phòng và An ninh
10	Vũ Duy Dương	CN GDTC-GDQP AN	x		Giáo dục quốc phòng và An ninh
11	Đỗ Thị Thanh Hải	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
12	Hoàng Thị Kim Oanh	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
13	Trần Thu Thủy	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
14	Hoàng Thị Thu Hoài	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
15	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
16	Nguyễn Thị Kim Liên	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
17	Vũ Thị Hòa	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
18	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sỹ Y học	x		Giải phẫu sinh lý
19	Ngô Thị Trang	Thạc sỹ Y học dự phòng	x		Giải phẫu sinh lý
20	Đinh Đức Thọ	Thạc sỹ Sinh học	x		Vi sinh-Ký sinh trùng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
21	Lê Thị Huyền Trang	Thạc sĩ hóa sinh	x		Vi sinh-Ký sinh trùng
22	Đào Thị Huệ	Chuyên khoa I	x		Vi sinh-Ký sinh trùng
23	Lương Đức Thịnh	Thạc sĩ Dược học	x		Dược lý
24	Dương Thị Phương	Thạc sĩ Dược học	x		Dược lý
25	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
26	Hoàng Hải Yến	Thạc sĩ Dược học	x		Dược lý
27	Mai Thị Vân Hằng	Thạc sĩ Điều dưỡng	x		Kỹ thuật điều dưỡng
28	Trịnh Thị Minh Phương	Thạc sĩ Điều dưỡng	x		Kỹ thuật điều dưỡng
29	Nguyễn Phương Minh	Thạc sĩ Điều dưỡng	x		Kỹ thuật điều dưỡng
30	Trần Thị Kim Ngân	Điều dưỡng CKI	x		Kỹ thuật điều dưỡng
31	Nguyễn Đức Toàn	Thạc sỹ Y học dự phòng	x		Tổ chức Y tế - Y đức
32	Nguyễn Minh Tuấn	PGS. TS Y học	x		Tổ chức Y tế - Y đức
33	Khúc Thị Tuyết Hường	Tiến sỹ Y học	x		Tổ chức Y tế - Y đức
34	Nguyễn Giang Nam	Tiến sỹ Y học	x		Bệnh nội khoa, Thực hành lâm sàng Nội, Bệnh chuyên khoa
35	Dương Thúy Quỳnh	Thạc sĩ Nội khoa	x		Bệnh nội khoa, Thực hành lâm sàng Nội, Bệnh chuyên khoa
36	Vũ Thu Hiền	Thạc sĩ Nội khoa	x		Bệnh nội khoa, Thực hành lâm sàng Nội, Bệnh chuyên khoa
37	Nguyễn Bá Thắng	Thạc sĩ QLBV	x		Bệnh chuyên khoa, Thực hành lâm sàng Nội
38	Hoàng Thị Quỳnh	Thạc sĩ Nội khoa	x		Bệnh chuyên khoa, Thực hành lâm sàng Nội
39	Nguyễn Thị Mai Hương	Thạc sĩ Điều dưỡng	x		Bệnh nội khoa, Thực hành lâm sàng Nội, Bệnh chuyên khoa
40	Đào Trọng Tuyên	Thạc sĩ Y học	x		Bệnh nội khoa, Thực hành lâm sàng Nội, Bệnh chuyên khoa
41	Lê Hoài Nam	Thạc sĩ Y học	x		Bệnh ngoại khoa, Thực hành lâm sàng Ngoại
42	Hoàng Việt Thái	Thạc sĩ Điều dưỡng	x		Bệnh ngoại khoa, Thực hành lâm sàng Ngoại
43	Đinh Ngọc Hoàng	BS CKI	x		Bệnh ngoại khoa, Thực

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
					hành lâm sàng Ngoại
44	Triệu Thị Dung	Cử nhân Điều dưỡng	x		Bệnh ngoại khoa, Thực hành lâm sàng Ngoại
45	Hoàng Thị Phương Thanh	Thạc sĩ Nhi khoa	x		Sức khỏe trẻ em, Thực hành lâm sàng Nhi
46	Nguyễn Thị Hồng	Bác sĩ đa khoa	x		Sức khỏe trẻ em, Thực hành lâm sàng Nhi
47	Phan Thanh Ngọc	Thạc sĩ Nhi khoa	x		Sức khỏe trẻ em, Thực hành lâm sàng Nhi
48	Hoàng Thị Đan	Thạc sĩ Nhi khoa	x		Sức khỏe trẻ em, Thực hành lâm sàng Nhi
49	Bùi Thị Thu Hằng	Thạc sĩ Y học	x		Sức khỏe sinh sản, Thực hành lâm sàng Sản
50	Nguyễn Thúy Hà	Thạc sĩ Y học	x		Sức khỏe sinh sản, Thực hành lâm sàng Sản
51	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Bác sĩ đa khoa	x		Sức khỏe sinh sản, Thực hành lâm sàng Sản
52	Hoàng Thị Thương	Cử nhân điều dưỡng	x		Sức khỏe sinh sản, Thực hành lâm sàng Sản
53	Phạm Thị Phượng	Cử nhân Điều dưỡng	x		Sức khỏe sinh sản, Thực hành lâm sàng Sản
54	Phùng Thị Tuyết Nga	Thạc sĩ Y học	x		Bệnh truyền nhiễm
55	Nông Thị Tuyền	Tiến sĩ Nội tiêu hóa	x		Bệnh truyền nhiễm
56	Mai Hoàng Anh	Thạc sĩ Y học lâm sàng	x		Bệnh truyền nhiễm
57	Lương Thị Lan Phương	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực tập lâm sàng truyền nhiễm
58	Bé Thu Hà	Thạc sĩ Y học	x		Thực tập lâm sàng truyền nhiễm
59	Ngô Thị Hiếu	Thạc sĩ Nội khoa	x		Thực tập lâm sàng truyền nhiễm
60	Nguyễn Văn Quang	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Y tế cộng đồng
61	Nguyễn Thanh Hòa	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Y tế cộng đồng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
62	Trần Ngọc Thúy	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Y tế cộng đồng
63	Hoàng Tư Nghĩa	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Y tế cộng đồng
64	Nguyễn Thanh Hòa	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Thực tập cộng đồng
65	Bùi Thị Hương Quỳnh	Thạc sĩ Y tế công cộng	x		Thực tập cộng đồng
66	Trần Ngọc Thúy	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Thực tập cộng đồng
67	Trịnh Thị Minh Phương	Thạc sĩ Điều dưỡng	x		Thực tập tốt nghiệp
68	Phạm Thị Hải Giang	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực tập tốt nghiệp
69	Nguyễn Thị Hải Yên	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực tập tốt nghiệp
70	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Điều dưỡng CKI	x		Thực tập tốt nghiệp
71	Khúc Thị Tuyết Hường	Tiến sĩ Y học	x		Dinh dưỡng – Tiết chế
72	Nguyễn Thanh Hòa	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Dinh dưỡng – Tiết chế
73	Trần Ngọc Thúy	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Dinh dưỡng – Tiết chế
74	Bùi Thị Hương Quỳnh	Thạc sĩ Y tế công cộng	x		Dinh dưỡng – Tiết chế
75	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thạc sĩ Y học	x		Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe
76	Nguyễn Đức Toàn	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe
77	Bùi Duy Hưng	Tiến sĩ Y tế công cộng	x		Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe
78	Hoàng Tư Nghĩa	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Vệ sinh phòng bệnh
79	Nguyễn Văn Quang	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Vệ sinh phòng bệnh
80	Đào Thị Dân	CKI Y học cổ truyền	x		Y học cổ truyền
81	Lường Thị Thời	Điều dưỡng CKI	x		Y học cổ truyền
82	Nguyễn Hoa Ngân	Thạc sĩ Y học	x		Phục hồi chức năng
83	Phan Việt Nga	Bác sĩ đa khoa	x		Phục hồi chức năng

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y SỸ ĐA KHOA - TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Tên ngành: Y SỸ ĐA KHOA

Mã ngành: 5720101

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người điều dưỡng viên là nhân lực trực tiếp cho các công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ trung cấp; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo người điều dưỡng có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của chuyên ngành Điều dưỡng; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi học xong chương trình trung cấp ngành Điều dưỡng, người học có thể:

- Làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập;
- Làm việc tại các cơ sở khám bệnh tư nhân;
- Làm việc tại các trung tâm cấp cứu cộng đồng;
- Làm việc tại các trung tâm y tế dự phòng, các viện dưỡng lão, trạm y tế.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 24
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 63 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1455 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 430 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1194 giờ

3. Nội dung chương trình

TT	Mã môn học	Tên môn học, Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng giờ	Trong đó		
					LT (giờ)	TH (giờ)	Kiểm tra (giờ)
I		Các môn chung/đại cương					
1	MHTC201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
2	MHTC202	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	MHTC203	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
4	MHTC204	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
5	MHTC205	Tin học	2	45	15	29	1
6	MHTC206	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
		Tổng	12	255	94	148	13
II		Các môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề					
II.1		Môn học, mô đun cơ sở					
7	MHTC207	Giải phẫu - Sinh lý	2	45	26	16	3
8	MHTC208	Hóa sinh - Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	22	20	3
9	MHTC209	Dược lý	2	30	20	8	2
10	MĐTC201	Điều dưỡng cơ sở	5	120	28	84	8
11	MHTC210	Y đức và Sức khỏe cộng đồng	4	60	48	8	4
		<i>Y đức</i>			8		1
		<i>Giáo dục sức khỏe</i>			17	4	1
		<i>Tổ chức y tế</i>			4		
		<i>Sức khỏe và môi trường</i>			8		1
		<i>Chăm sóc sức khỏe cộng đồng</i>			11	4	1

TT	Mã môn học	Tên môn học, Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng giờ	Trong đó		
					LT (giờ)	TH (giờ)	Kiểm tra (giờ)
		Tổng	15	300	144	136	20
II.2		Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề					
12	MHTC211	Bệnh Nội khoa	3	45	32	11	2
13	MHTC212	Bệnh Ngoại khoa	3	45	43	0	2
14	MHTC213	Sức khỏe trẻ em	3	45	39	4	2
15	MHTC214	Sức khỏe sinh sản	3	60	29	28	3
16	MHTC215	Bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2
17	MHTC216	Thực hành lâm sàng Nội	3	135	0	129	6
18	MHTC217	Thực hành lâm sàng Ngoại	3	135	0	129	6
19	MHTC218	Thực hành lâm sàng Sản	3	135	0	129	6
20	MHTC219	Thực hành lâm sàng Nhi	3	135	0	129	6
21	MHTC220	Thực hành lâm sàng Truyền nhiễm	2	90	0	86	4
22	MHTC221	Thực tập cộng đồng	2	90	0	86	4
23	MHTC222	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	172	8
		Tổng	34	1125	171	903	51
II.3		Môn học bổ trợ					
24		Tự chọn 1 (Chọn 1 trong các học phần sau)	2	30	21	7	2
24a	MHTC223	<i>Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng</i>					
	MHTC224	<i>Bệnh chuyên khoa</i>					
24b	MHTC225	<i>Dinh dưỡng - Tiết chế</i>					

TT	Mã môn học	Tên môn học, Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng giờ	Trong đó		
					LT (giờ)	TH (giờ)	Kiểm tra (giờ)
24c	MHTC226	<i>Vệ sinh phòng bệnh</i>					
		Tổng	2	30	21	7	2
		Tổng toàn chương trình	63	1710	430	1194	86

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quyết định 162/QĐ-CDYT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành Điều dưỡng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn